TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HSST
Ngày: 06/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng

2. Ông Nguyễn Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Học - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện huyện C, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST - HS ngày 22 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn B, sinh năm 1973 tại Quảng Nam. Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Gia Ty, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: ấp Trung Nghĩa, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: thợ cưa cây; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; Dân tộc: kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm B, năm sinh: 1935 (đã chết) và bà Võ Thị H, năm sinh: 1935 (còn sống), gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; vợ tên Lê Thị T, sinh năm: 1975 nhưng đã ly hôn ngày 08/01/2018, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo được áp dụng biện pháp Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02 từ ngày 26/11/2018 cho đến nay.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

**** Bị hại:***

1. anh Lê Anh T – sinh năm: 1973 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp 6, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Anh Nguyễn Thanh L – sinh năm: 1988 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp 3A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

**** Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Thanh Ch – sinh năm 1982*(vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp An Bình, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Nguyễn Công Th– sinh năm: 1984*(có mặt)*

Địa chỉ: ấp Đức Thắng 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Thổ Nh – sinh năm: 1989*(vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp 8, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

4. Anh Thổ Tr – sinh năm: 1979*(vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp 8, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo là thợ cưa cây gỗ tràm nên anh Lê Anh T đã thuê bị cáo cưa vườn cây gỗ tràm tại ấp 3, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Vào ngày 19/11/2018, anh T thuê bị cáo đến vườn cây gỗ tràm để cưa hạ cây gỗ tràm cho mình. Theo thỏa thuận, bị cáo sẽ cưa cây kích thước 1,2 mét, xếp thành một te gỗ (chiều ngang 01 mét, cao 01 mét), mỗi te được thuê với giá 80.000 đồng. Đến ngày 22/11/2018, bị cáo đã cưa cây gỗ tràm xong rồi gọi điện thoại cho anh T đòi trả tiền công nhưng anh T không đến được và có hẹn với bị cáo sẽ trả tiền vào thứ 7 ngày 24/11/2018. Do muốn có tiền để trả tiền công cho những thợ cưa gỗ tràm cùng với mình nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm cây gỗ tràm đã cưa của anh T để bán. Do biết anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1988, nơi cư trú tại ấp 3A, xã Xc, huyện X, tỉnh Đồng Nai là người mua bán gỗ tràm nên bị cáo điện thoại cho anh L để bán số gỗ tràm của anh T. Sau khi thỏa thuận giá cả xong thì anh L đồng ý mua với giá 920.000 đồng trên một te gỗ tràm. Vào khoảng 03 giờ 30 phút, sáng ngày 23/11/2018, bị cáo tiếp tục điện thoại cho anh L thì anh L cùng với anh Nguyễn Công Th (sinh năm 1984, nơi cứ trú tại ấp Đức Thắng 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai) là tài xế điều khiển xe ô tô tải biển số 89C - 060.49 chở theo anh Thổ Nh, sinh năm 1989, anh Thổ Tr, sinh năm 1979, cùng nơi trú tại ấp 8, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (là người làm công cho anh L) đang trên đường đi sang ấp 3, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai để gặp bị cáo và sau đó bị cáo dẫn đến đống gỗ cây tràm của anh T đang để bên lề đường thuộc ấp 3, xã X để bốc trộm gỗ cây tràm. Khi đang bốc 12 mét khối gỗ cây tràm lên xe ô tô thì anh Nguyễn Thanh Ch (sinh năm 1982, nơi trú tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện L, tỉnh Đồng Nai) là người anh T gọi đến để mua cây gỗ tràm và bốc chở cây gỗ tràm đi thì phát hiện ngăn chặn, thông báo cho anh T biết. Lúc này bị cáo nói với anh L cho tài xế điều khiển xe ô tô chạy đi, có gì B sẽ chịu trách nhiệm.

Khi nghe bị cáo nói như vậy, anh L đã cho tài xế điều khiển xe ô tô chạy về hướng ngã ba X, huyện C thì bị anh Ch chạy xe ô tô đuổi theo chặn lại và cùng với lực lượng Công an bắt quả tang bị cáo cùng tang vật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐG ngày 26/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C xác định 12 mét khối gỗ cây tràm (đường kính thân cây có kích thước cây từ 07 đến 15 cm, thân gỗ được chặt thành đoạn có kích thước 1,2 cm) có tổng giá trị thiệt hại là 10.200.000 đồng.

* Vật chứng của vụ án:

+ 01 xe ô tô tải biển số 89C- 06049, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1988, nơi trú tại ấp 3A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

+ 12 mét khối gỗ tràm đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Anh T, sinh năm 1978, nơi trú tại ấp 6, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

*Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Lê Anh T đã nhận lại toàn bộ tài sản của mình và làm đơn bãi nại, không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Riêng hành vi của anh Nguyễn Thanh L khi mua 12 m^3 gỗ cây tràm của bị cáo, anh L không biết số cây gỗ tràm trên là do bị cáo trộm cắp mà có bán cho anh L nên hành vi của anh L không phạm tội.

Cáo trạng số 09/CT- VKS – CM ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo B về tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo. Phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn Bằng phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm s,i khoản 1,2 Điều 51của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Văn B mức án: từ 06 (sáu) tháng đến (09) chín tháng tù giam.

Phần trách nhiệm dân sự anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình. Phần tranh luận bị cáo trình bày do ít học nên mới phạm tội. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến trong phần tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận: Ngày 19/11/2018, anh T thuê bị cáo cưa hạ vườn cây gỗ tràm tại ấp 3, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai cho anh T. Đến ngày 22/11/2018, bị cáo đã cưa xong vườn cây gỗ tràm và gọi điện thoại cho anh Tuấn đòi trả tiền công nhưng anh T không đến được và có hẹn với bị cáo sẽ trả tiền vào thứ 7 ngày 24/11/2018. Do muốn có tiền để trả tiền công cho những thợ cưa gỗ tràm cùng với mình nên vào khoảng 03 giờ 45 phút, ngày 23/11/2018, lợi dụng lúc không có người trông coi, bị cáo đã lén lút trộm cắp 12m^3 gỗ tràm tại ấp 3, xã X, huyện C của anh Tuấn. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của anh T theo Bản kết luận định giá số 66/KL-HĐĐG ngày 26/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C xác định 12m^3 gỗ cây tràm có tổng giá trị thiệt hại là 10.200.000 đồng thì bị lực lực công an xã X bắt giữ bị cáo cùng tang vật.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng số 09 ngày 22/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy: Bị cáo là một công dân có đầy đủ nhận thức và năng lực hành vi dân sự, bị cáo nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng muốn có tiền để trả tiền công cho những thợ cưa cây gỗ tràm cùng với mình mà bị cáo vẫn bất chấp pháp luật và đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của anh Tuấn Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp gây thiệt hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Vì vậy, nhằm để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo là người nông dân, trình độ học vấn mới học đến lớp 6 nên việc hiểu biết pháp luật còn bị hạn chế; gia đình có hoàn cảnh khó khăn và đã có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Xét bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có nhân thân tốt. Có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng, chống tội phạm; thể hiện trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đối chiếu các điều kiện áp dụng án treo được quy định tại Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 15 tháng 5 năm 2018 thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo.

Do bị cáo là lao động chính trong gia đình, là lao động làm thuê, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lê Anh T đã nhận lại toàn bộ tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe ô tô tải biển số 89C- 06049, đã trả lại cho anh Nguyễn Thanh L là phù hợp nên không xem xét giải quyết.

+ 12 m^3 cây gỗ tràm đã trả lại cho anh Lê Anh T là phù hợp nên không xem xét giải quyết.

[9] Đối với hành vi của anh Nguyễn Thanh L khi mua 12 m^3 gỗ cây tràm của bị cáo, anh L không biết số cây gỗ tràm trên là do bị cáo trộm cắp mà có nên hành vi của anh L không phạm tội.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo cgỉ có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên xem xét ghi nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 15 tháng 5 năm 2018;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn B: 01(một) năm tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn B phải nộp 200.000(*hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(*mười lăm*) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *TAND tỉnh ĐN;*
- *STP tỉnh ĐN;*
- *Công an huyện C;*
- *VKS huyện C (2).*
- *THA.DS huyện C;*
- *THA hình sự;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Khuyên